

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG  
Bản án số: 134/2023/DS -PT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 23/8/2023

V/v Tranh chấp về quyền cấp thoát nước  
qua bất động sản liền kề.

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đặng Văn Quyết

**- Các Thẩm phán:** 1. Ông Nguyễn Hà Giang;  
2. Ông Nguyễn Việt Hùng;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa- Thư ký Tòa án nhân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ranh thoát nước", Do bản án số 14/2023/DSST ngày 31/3/2023 của TAND huyện Việt Yên có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXPT-DS ngày 27/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2023/QĐ-PT ngày 08/8/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985 (Có mặt)

2. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987 (Có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950

Ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T1- SN 1978(Có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 (Có mặt)

5. Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1950 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn H xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Bà M ủy quyền cho anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Kho KV1, T, H, Lạng Sơn.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Hùng L, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

2. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1983

Địa chỉ: Đồng Nội, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1986

Địa chỉ: Địa chỉ: Hùng L, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Chị M1, chị T3, anh B ủy quyền cho anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1975 (Anh T2 có mặt)

Địa chỉ: Kho KV1, T, H, Lạng Sơn.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (Có đơn xin vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Ngọc T4, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

7. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

8. Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Hùng Lãm 3, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

9. Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Kho KV1, T, H, Lạng Sơn

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo các đồng nguyên đơn trình bày:

**Ông Nguyễn Ngọc Đ:** 05 hộ hàng xóm gồm anh N, anh Q, bà T, bà L cùng sử dụng chung rãnh thoát nước. Rãnh chảy từ gia đình các ông bà xuống khu vực ao nhà ông T6 (bố đẻ bà M), sau khi ông T6 mất thì bà M quản lý sử dụng. Các hộ dân sử dụng ổn định từ khi sinh ra và lớn lên đã có rãnh nước này và chảy xuống ao nhà bà M, chiều rộng khoảng 30cm chảy từ nhà ông qua cổng nhà anh N, cổng nhà bà T xuống ao bà M. Năm 2021 bà M lấp đất ao không cho chảy xuống ao nhà bà M. Nay yêu cầu bà M trả lại

rãnh thoát nước ở phần tiếp giáp nhà anh **N2** chiều dài khoảng 20m chiều rộng 30cm để các hộ dân có rãnh thoát nước.

**Anh Nguyễn Văn N:** Anh sinh ra và lớn lên trên diện tích đất đang ở hiện nay, từ khi còn nhỏ gia đình anh thoát nước qua hệ thống rãnh nước ở ven đường chảy qua cống bà **T** rồi chảy xuống ao nhà bà **M**, cho đến khi năm 2021 bà **M** lấp đất nên nước không chảy được xuống ao nhà bà **M** dẫn đến mỗi khi trời mưa nước tràn ra đường. Nay yêu cầu bà **M** trả lại rãnh thoát nước ở phần tiếp giáp nhà anh **N2** chiều dài khoảng 20m chiều rộng 30cm để chúng tôi có rãnh thoát nước.

**Anh Nguyễn Văn Q:** Từ khi anh còn nhỏ đã có đường nước chảy xuống ao nhà bà **M** là đường thoát nước chung của cả ngõ, sau đó chảy qua cống ngang ra đồng chiều dài rãnh là 20m rộng 0,35m nằm phía Đông Bắc giáp đất nhà ông **N2**; đến năm 2021 bà **M** lấp rãnh nước không cho nước chảy qua nhà bà **M**; đến nay anh yêu cầu bà **M** trả lại rãnh thoát nước cho các hộ dân trong ngõ.

**Bà Nguyễn Thị T:** Bà sinh sống từ nhỏ cho đến nay, gia đình bà tiếp giáp nhà ông **L1**, bà **L**, ông **Đ**, đối diện với nhà anh **N**, anh **Q**, các hộ dân có sử dụng chung một rãnh nước có chiều rộng khoảng 35cm làm ở mép đường ở bên phải tính theo hướng Nhà văn hóa đi vào sau đó đổ xuống ao nhà bà **M**. Năm 2021 bà **M** lấp đất ao không cho chảy xuống ao nhà bà **M**. Nay yêu cầu bà **M** trả lại rãnh thoát nước ở phần tiếp giáp nhà anh **N2** chiều dài khoảng 20m chiều rộng 30cm để các hộ dân có rãnh thoát nước.

**Bà Nguyễn Thị L:** Bà lấy chồng về **Hùng L** từ năm 1979, khi đó khu vực nhà bà gồm nhà ông **C**, ông **T7** khi thoát nước đều chảy xuống ao nhà bà **M**, đến năm 2005 làm đường bê tông thì làm rãnh thoát nước chảy xuống ao nhà bà **M** cho đến năm 2021 bà **M** đổ đất không cho nước chảy vào nhà bà **M**. Nay yêu cầu bà **M** trả lại rãnh thoát nước phần tiếp giáp nhà anh **N2** chiều dài khoảng 20m chiều rộng 30cm.

**Ý kiến bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:** Nguồn gốc diện tích ao này là của cụ **Nguyễn Văn T8**, năm 2003 cụ **T8** mất có để lại cho bà **Nguyễn Thị M** diện tích ao này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 tại thửa số 325 tờ bản đồ số 8, diện tích 412m<sup>2</sup>, năm 2016 sang tên cho bà **Nguyễn Thị M**. Quá trình sử dụng từ năm 2006 bà **M** lấp ao đến năm 2013 thì kết thúc việc lấp ao và làm nhà ở. Trước khi nhà bà lấp ao thì nước của các hộ dân vẫn chảy xuống ao nhà bà, sau khi gia đình bà lấp đất ao thành vườn trồng cây thì nước các hộ dân vẫn chảy vào gây ô nhiễm cho nên năm 2021 gia đình bà lấp rãnh nước các hộ dân chảy vào đất nhà bà. Hiện nay thực tế hiện nay các hộ gia đình khởi kiện có nhiều giải pháp về đường nước thải sinh hoạt như các hộ dân có thể làm đường nước thải qua đường đi sau đó nối với đường nước xả thải của xóm đã có sẵn, anh **N** anh **Q** trước đây chảy qua ao bà **L2** (mẹ vợ anh **N**), bà **L** có thể

chảy qua vườn nhà mình qua công nước trước nay vẫn chảy, ông Đ, bà T có thể chảy qua nhà ông N2 em trai bà T như vậy các hộ trên có nhiều phương án mở lối thoát nước. Do đó bà không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà Nguyễn Thị P: Bà là em gái bà Nguyễn Thị M. Diện tích đất này là đất ao của bà Nguyễn Thị M, đến năm 2006 bà M san lấp ao, đến năm 2013 bà M làm nhà và cho bà ở nhờ từ năm 2013 đến nay, hiện nay giấy tờ quyền sử dụng đất vẫn mang tên bà M. Nay các hộ dân liền kề yêu cầu mở rãnh nước qua diện tích đất này, diện tích đất này là của bà M nên mọi vấn đề do bà M và các con bà M quyết định, bà chỉ mong muốn rãnh thoát nước không qua đất, ảnh hưởng sức khỏe của bà.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà xây dựng gia đình với ông Đ từ năm 1975 đến nay, hộ gia đình bà cùng 4 hộ khác sử dụng chung rãnh thoát nước chảy xuống ao nhà bà M, đến đầu tháng 8 năm 2021 thì bà M san lấp ao làm nhà lấp rãnh thoát nước của các hộ dân phía trên, nay bà đề nghị Tòa án buộc bà M trả lại rãnh thoát nước cho các hộ dân.

Ông Nguyễn Văn L1 trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị L từ khi ông sinh ra đã có rãnh thoát nước của cả ngõ chảy xuống ao nhà cụ T8 (nay là của bà M) sau đó chảy qua công ngang đường đổ ra đồng, đến tháng 8 năm 2021 bà M lấp đất làm nhà lấp rãnh không cho chảy qua, khiến các hộ trong ngõ không có rãnh thoát nước chảy, vụ việc được hòa giải ở địa phương nhưng không có kết quả nay ông yêu cầu bà M trả lại rãnh nước cho các hộ dân trong ngõ.

Chị Nguyễn Thị Đ1: Chị là vợ của anh Nguyễn Văn Q chị xây dựng gia đình với anh Q vào năm 2013 cho đến nay gia đình chị sử dụng rãnh thoát nước xuống ao nhà bà M đến tháng 8 năm 2021 bà M lấp đất làm nhà lấp rãnh không cho chảy qua, khiến các hộ trong ngõ không có rãnh thoát nước chảy, vụ việc được hòa giải ở địa phương nhưng không có kết quả nay ông yêu cầu bà M trả lại rãnh nước cho các hộ dân trong ngõ.

Chị Nguyễn Thị N1: Chị là vợ anh Nguyễn Văn N từ năm 2005, từ trước đến nay gia đình chị sử dụng rãnh thoát nước xuống ao nhà bà M đến tháng 8 năm 2021 bà M lấp đất làm nhà lấp rãnh không cho chảy qua, khiến các hộ trong ngõ không có rãnh thoát nước chảy, vụ việc được hòa giải ở địa phương nhưng không có kết quả nay ông yêu cầu bà M trả lại rãnh nước cho các hộ dân trong ngõ.

Anh Nguyễn Minh T2, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị M1 thống nhất với lời khai của bà Nguyễn Thị M.

**Với nội dung vụ án nêu trên**, bản án số 14/2023/DSST ngày 31/3/2023 của TAND huyện Việt Yên đã xử: Áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 143, Điều

144; Điều 147, Điều 157, Điều 165; Điều 271, Điều 273; Điều 227; Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 251, Điều 252 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, Điều 203; Điều 170 Luật đất đai năm 2013

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3, Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Đ, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả lại rãnh thoát nước dài 18,4m + 1,21m chiều rộng 0,3m diện tích 6,1m<sup>2</sup> thửa được ký hiệu là số 325 tờ bản đồ số 8 (nay là thửa 230, 236, 240 tờ bản đồ 29, thôn H, xã H).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử xong, ngày 12/4/2023 nguyên đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo nhưng các bên cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác để bảo vệ quyền lợi của mình.

*\* Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật tố tụng.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148- BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của anh N, anh Q, bà T, ông Đ và bà L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2023/DSST ngày 31/3/2023 của TAND huyện Việt Yên.

Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn N; Anh Nguyễn Văn Q, mỗi người chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị T; Bà Nguyễn Thị L; Ông Nguyễn Ngọc Đ là người cao tuổi được miễn án phí phúc thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**Xét kháng cáo của anh N, anh Q, bà T, bà L, ông Đ**

- Về nguồn gốc rãnh thoát nước: Trước năm 2021 khi bà M chưa san lấp diện tích ao thì các hộ dân thoát nước qua rãnh ven đường rồi chảy xuống ao nhà bà M.

- Các đương sự đều thừa nhận không có rãnh thoát nước cụ thể chảy qua đất bà M.

- Rãnh nước đang tranh chấp có chiều dài là 18,4 + 1,21 m; chiều rộng là 03m, diện tích là 6,1m<sup>2</sup> nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 14/12/1998 của UBND huyện V cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T8 (nay là bà Nguyễn Thị M) thửa đất số 260 tờ bản đồ số 8 diện tích 412m<sup>2</sup> đất ao.

- Hộ gia đình anh N, anh Q, bà T, ông Đ, bà L có thể mở hệ thống thoát nước theo hướng khác.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, anh Q, bà T, ông Đ, bà L là có căn cứ.

- Anh N, anh Q, bà T, ông Đ, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh và bảo vệ quyền lợi của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

- Anh N, anh Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; bà T, bà L, ông Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ: khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 BLTTDS; Không chấp kháng cáo của anh N, anh Q, bà T, ông Đ và bà L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 14/2023/DSST ngày 31/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên;

Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3, Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Anh Nguyễn Văn N; Anh Nguyễn Văn Q, mỗi người chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (Xác nhận anh N và anh Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006907 ngày 12/4/2023 và biên lai thu số 0006998 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Việt Yên).

Bà Nguyễn Thị T; Bà Nguyễn Thị L; Ông Nguyễn Ngọc Đ được miễn án phí phúc  
thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Quyết**